

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

---

## MỤC LỤC

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 45

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<b><u>Hội đồng quản trị</u></b>			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	06/6/2017	
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	27/4/2018	
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Quang Minh	Thành viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	06/6/2017	
Ông Lê Huy Hùng	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	06/6/2017	
<b><u>Ban kiểm soát</u></b>			
Bà Lại Thị Thu	Trưởng ban	06/6/2017	30/6/2020
Ông Hoàng Thanh Bình	Trưởng ban	30/6/2020	
Bà Dương Quỳnh Nga	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Trương Thị Thanh Nhung	Ủy viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên	06/6/2017	
<b><u>Ban Giám đốc</u></b>			
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc	27/4/2018	
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc	06/6/2017	
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	06/6/2017	
Ông Nguyễn Anh Kiệt	Phó Giám đốc	15/3/2019	
Bà Hồ Thị Kim Phượng	Phó Giám đốc	01/7/2019	
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	06/6/2017	

### ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Huỳnh Tuấn Anh, chức danh Giám đốc Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

---

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**HUYNH TUẤN ANH - Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**      **QUÝ CỎ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 45 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)**

---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**



---

**NGUYỄN THỊ THOM – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

**MẪU B01a-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>213.750.892.088</b>	<b>142.349.937.835</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>49.176.083.731</b>	<b>64.195.166.006</b>
1. Tiền	111		39.176.083.731	20.145.979.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	44.049.186.600
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>91.200.140.684</b>	<b>17.538.692.295</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	91.200.140.684	17.538.692.295
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.751.323.851</b>	<b>36.085.187.128</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.687.775.238	30.247.394.591
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.212.765.321	6.974.169.150
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.602.220.256	2.191.987.615
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.751.436.964)	(3.328.364.228)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>19.218.956.371</b>	<b>17.620.798.911</b>
Hàng tồn kho	141		19.218.956.371	17.620.798.911
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.404.387.451</b>	<b>6.910.093.495</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.338.507.602	3.688.895.892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		927.790.048	3.221.197.603
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	138.089.801	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>268.702.688.918</b>	<b>276.529.562.130</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.292.634</b>	<b>8.292.634</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.292.634	8.292.634
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>198.020.898.322</b>	<b>206.393.165.553</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	197.209.494.933	205.384.093.362
Nguyên giá	222		768.407.825.657	755.413.510.123
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(571.198.330.724)	(550.029.416.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	811.403.389	1.009.072.191
Nguyên giá	228		6.363.444.666	6.273.444.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.552.041.277)	(5.264.372.475)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>7.231.555.352</b>	<b>6.183.490.778</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.231.555.352	6.183.490.778
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.330.000</b>	<b>8.330.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	8.330.000	8.330.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>63.433.612.610</b>	<b>63.936.283.165</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	63.433.612.610	63.936.283.165
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>482.453.581.006</b>	<b>418.879.499.965</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>276.726.857.540</b>	<b>202.037.183.389</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>228.022.835.351</b>	<b>154.484.937.488</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	116.514.506.362	91.386.763.201
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	10.269.991.150	10.161.719.853
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	15.053.988.169	13.550.039.289
4. Phải trả người lao động	314		14.951.403.792	10.305.303.223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	30.858.242.409	10.711.847.966
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	22.191.437.144	8.230.092.579
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	9.208.015.732	5.615.559.054
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	8.975.250.593	4.523.612.323
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.704.022.189</b>	<b>47.552.245.901</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	14.038.669.435	14.383.187.136
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	33.138.618.139	31.933.564.311
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	1.526.734.615	1.235.494.454
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>205.726.723.466</b>	<b>216.842.316.576</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>205.726.723.466</b>	<b>216.842.316.576</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.849.723.527
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.876.999.939	22.992.593.049
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>-</i>	<i>942.434.827</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>11.876.999.939</i>	<i>22.050.158.222</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>482.453.581.006</b>	<b>418.879.499.965</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

  
 NGUYỄN THỊ KIM LOAN  
 Người lập biểu

  
 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH  
 Kế toán trưởng



  
 HUỖNH TUẤN ANH  
 Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**MẪU B02a-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		585.888.752.813	522.215.351.401
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		668.313.800	592.960.320
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>585.220.439.013</b>	<b>521.622.391.081</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	534.833.260.019	472.323.877.211
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>50.387.178.994</b>	<b>49.298.513.870</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.566.851.700	939.664.440
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.569.670.875	1.269.677.818
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.569.670.875	1.269.677.818
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.442.411.949	8.914.753.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	25.316.032.780	20.080.133.144
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>14.625.915.090</b>	<b>19.973.613.943</b>
11. Thu nhập khác	31		53.045.426	1.007.023.011
12. Chi phí khác	32		22.222.096	1.240.580.381
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.7</b>	<b>30.823.330</b>	<b>(233.557.370)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>14.656.738.420</b>	<b>19.740.056.573</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.488.498.320	3.385.048.181
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	291.240.161	221.305.862
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>11.876.999.939</b>	<b>16.133.702.530</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	914	1.241
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	914	1.241

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020



**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
Người lập biểu



**VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**  
Kế toán trưởng




**HUỲNH TUẤN ANH**  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**MẪU B03a-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.656.738.420	19.740.056.573
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.566.560.910	23.299.046.972
- Các khoản dự phòng	03		2.423.072.736	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.566.851.700)	(839.824.146)
- Chi phí lãi vay	06		1.569.670.875	1.269.677.818
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.649.191.241	43.468.957.217
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.308.871.928)	(7.582.973.909)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.595.280.446)	832.173.192
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		49.363.895.557	(2.567.668.275)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.146.941.155)	1.179.079.367
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.616.032.356)	(798.917.502)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.630.851.787)	(2.631.177.025)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.890.954.775)	(3.386.822.333)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>65.824.154.351</b>	<b>28.512.650.732</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.881.458.666)	(22.551.881.826)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(91.200.140.684)	(57.800.355.526)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.538.692.295	43.796.753.234
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		941.831.923	1.881.134.214
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(85.601.075.132)</b>	<b>(34.674.349.904)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.566.950.506	9.129.737.380
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.769.440.000)	(2.267.440.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.672.000)	(29.091.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>4.757.838.506</b>	<b>6.833.206.130</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(15.019.082.275)</b>	<b>671.506.958</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>64.195.166.006</b>	<b>32.462.303.526</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	V.1	<b>49.176.083.731</b>	<b>33.133.810.484</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

  
**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
 Người lập biểu

  
**VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**  
 Kế toán trưởng

  
**HUỲNH TUẤN ANH**  
 Giám đốc


## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B 09a-DN

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

*Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:*

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 6 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 5 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-028) 3 855 2354
- Fax : (84-028) 3 955 0424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

#### **3. Ngành, nghề kinh doanh**

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### 6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 455 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 461 người).

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ tài chính.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Phương tiện truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

##### *Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản*

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ) hoặc chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

#### **11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

#### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD,...

### 13. **Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

#### *Cơ cấu vốn chủ sở hữu*

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### *Phân phối lợi nhuận thuần*

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

### 14. **Doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### **17. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### 19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% .

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### 21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	15.220.988	42.501.581
Tiền gửi ngân hàng	39.160.862.743	20.103.477.825
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	44.049.186.600
<b>Cộng</b>	<b><u>49.176.083.731</u></b>	<b><u>64.195.166.006</u></b>

(\*) Khoản tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Bình Tây với lãi suất 4,3%/ năm.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>91.200.140.684</b>	<b>91.200.140.684</b>	<b>17.538.692.295</b>	<b>17.538.692.295</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (i)	63.196.513.384	63.196.513.384	17.538.692.295	17.538.692.295
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)	28.003.627.300	28.003.627.300	-	-
b) <b>Dài hạn</b>	<b>8.330.000</b>	<b>8.330.000</b>	<b>8.330.000</b>	<b>8.330.000</b>
Đầu tư mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (iii)	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
<b>Cộng</b>	<b>91.208.470.684</b>	<b>91.208.470.684</b>	<b>17.547.022.295</b>	<b>17.547.022.295</b>

(i) Ghi nhận khoản gửi tiền gửi kỳ hạn từ 6 - 8 tháng. Lãi suất 7,4 - 7,5%/ năm (Kỳ trước 7,1 - 7,4%/ năm).

(ii) Ghi nhận khoản gửi tiền gửi kỳ hạn từ 6 - 9 tháng. Lãi suất từ 6,5 - 6,6%/ năm (Kỳ trước 6 - 7% năm).

(iii) Số lượng 922 cổ phiếu.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	9.611.274.407	8.744.552.186
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	35.794.215.849	21.190.903.200
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	282.284.982	311.939.205
<b>Cộng</b>	<b>45.687.775.238</b>	<b>30.247.394.591</b>

*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	<i>9.611.274.407</i>	<i>8.744.552.186</i>
<b>Cộng</b>	<b>9.611.274.407</b>	<b>8.744.552.186</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	1.658.191.415	2.709.245.435
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	845.001.034	-
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	42.738.710	54.020.108
Công ty TNHH Bảo Phú Nam	-	1.048.734.055
Công ty TNHH MTV CN Đồng Tâm Đồng Tiến	684.612.502	1.466.683.269
Các khách hàng khác	1.982.221.660	1.695.486.283
<b>Cộng</b>	<b>5.212.765.321</b>	<b>6.974.169.150</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Trả trước cho người bán là các bên liên quan*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước</i>	<u>42.738.710</u>	<u>54.020.108</u>
<i>Cộng</i>	<u>42.738.710</u>	<u>54.020.108</u>

### 5. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>2.602.220.256</b>	-	<b>2.191.987.615</b>	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	-	-	1.297.847.135	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.207.183.139	-	582.163.362	-
Phải thu khác	273.837.117	-	273.837.118	-
Tạm ứng	121.200.000	-	38.140.000	-
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>8.292.634</b>	-	<b>8.292.634</b>	-
Ký quỹ dài hạn	8.292.634	-	8.292.634	-
<b>Cộng</b>	<b>2.610.512.890</b>	-	<b>2.200.280.249</b>	-

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.578.700.943	1.827.263.979	5.751.436.964	4.467.565.727	1.139.201.499	3.328.364.228
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>7.578.700.943</i>	<i>1.827.263.979</i>	<i>5.751.436.964</i>	<i>4.467.565.727</i>	<i>1.139.201.499</i>	<i>3.328.364.228</i>
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước, dịch vụ khác	7.578.700.943	1.827.263.979	5.751.436.964	4.467.565.727	1.139.201.499	3.328.364.228
<b>Cộng</b>	<b>7.578.700.943</b>	<b>1.827.263.979</b>	<b>5.751.436.964</b>	<b>4.467.565.727</b>	<b>1.139.201.499</b>	<b>3.328.364.228</b>

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ, xây dựng,... hay các khoản phải thu khác,.. đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.841.233.209	-	17.493.017.666	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.377.723.162	-	127.781.245	-
<b>Cộng</b>	<b>19.218.956.371</b>	<b>-</b>	<b>17.620.798.911</b>	<b>-</b>

#### 8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>5.338.507.602</b>	<b>3.688.895.892</b>
Công cụ dụng cụ	2.513.907.602	1.932.495.892
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	2.824.600.000	1.756.400.000
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>63.433.612.610</b>	<b>63.936.283.165</b>
Chi phí sửa chữa văn phòng	891.432.286	464.402.951
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	23.377.209.239	30.119.000.581
Thay đồng hồ nước	30.296.731.721	26.768.665.962
Chi phí cải tạo ống mục	201.998.612	530.271.111
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	8.666.240.752	6.053.942.560
<b>Cộng</b>	<b>68.772.120.212</b>	<b>67.625.179.057</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	29.216.148.586	1.478.337.878	705.694.938.800	19.024.084.859	755.413.510.123
Tăng trong kỳ	-	1.245.181.091	12.293.784.316	726.761.835	14.265.727.242
<i>Mua trong kỳ</i>	-	<i>1.245.181.091</i>	<i>472.136.364</i>	<i>726.761.835</i>	<i>2.444.079.290</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	<i>11.821.647.952</i>	-	<i>11.821.647.952</i>
Giảm trong kỳ	-	-	1.271.411.708	-	1.271.411.708
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	<i>1.109.978.145</i>	-	<i>1.109.978.145</i>
<i>Quyết toán lại</i>	-	-	<i>161.433.563</i>	-	<i>161.433.563</i>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.216.148.586</b>	<b>2.723.518.969</b>	<b>716.717.311.408</b>	<b>19.750.846.694</b>	<b>768.407.825.657</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	2.330.139.218	893.846.076	530.398.697.059	16.406.734.408	550.029.416.761
Tăng trong kỳ	292.765.242	198.571.279	20.766.611.997	1.020.943.590	22.278.892.108
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>292.765.242</i>	<i>198.571.279</i>	<i>20.766.611.997</i>	<i>1.020.943.590</i>	<i>22.278.892.108</i>
Giảm trong kỳ	-	-	1.109.978.145	-	1.109.978.145
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	<i>1.109.978.145</i>	-	<i>1.109.978.145</i>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.622.904.460</b>	<b>1.092.417.355</b>	<b>550.055.330.911</b>	<b>17.427.677.998</b>	<b>571.198.330.724</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	26.886.009.368	584.491.802	175.296.241.741	2.617.350.451	205.384.093.362
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26.593.244.126</b>	<b>1.631.101.614</b>	<b>166.661.980.497</b>	<b>2.323.168.696</b>	<b>197.209.494.933</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Số đầu năm	-	712.966.486	308.422.998.231	10.925.576.819	320.061.541.536
Số cuối kỳ	-	746.824.486	325.138.850.470	12.168.826.819	338.054.501.775

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b><i>Phần mềm máy tính</i></b>				
Nguyên giá	6.273.444.666	90.000.000	-	6.363.444.666
Hao mòn lũy kế	(5.264.372.475)	(287.668.802)	-	(5.552.041.277)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>1.009.072.191</b>			<b>811.403.389</b>

Nguyên giá của các phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 4.827.186.666 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4.581.186.666 VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công trình di dời đường ống	546.934.060	546.934.061
Công trình chống thất thoát nước	375.375.000	375.375.003
Công trình cải tạo ống mục	4.675.741.240	1.394.041.948
Phát triển mạng lưới	1.621.617.590	1.210.728.215
Công trình ống cái	11.887.462	2.656.411.551
<b>Cộng</b>	<b>7.231.555.352</b>	<b>6.183.490.778</b>

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	112.408.052.908	112.408.052.908	84.226.174.885	84.226.174.885
Công ty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	1.291.148.467	1.291.148.467	1.005.709.682	1.005.709.682
Công ty TNHH PTP Các nhà cung cấp khác	-	-	2.476.980.000	2.476.980.000
	2.815.304.987	2.815.304.987	3.677.898.634	3.677.898.634
<b>Cộng</b>	<b>116.514.506.362</b>	<b>116.514.506.362</b>	<b>91.386.763.201</b>	<b>91.386.763.201</b>

### Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	112.408.052.908	84.226.174.885
<b>Cộng</b>	<b>112.408.052.908</b>	<b>84.226.174.885</b>

### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm thu chi phí thiết kế ống nhánh	47.500.000	47.393.390
Tiền nước chưa giải trách	10.213.943.180	10.107.392.274
Các khách hàng khác	8.547.970	6.934.189
<b>Cộng</b>	<b>10.269.991.150</b>	<b>10.161.719.853</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	828.880.595	469.132.814	359.747.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.630.851.787	2.488.498.320	2.630.851.787	2.488.498.320
Thuế thu nhập cá nhân	612.834.811	1.253.028.532	2.003.953.144	(138.089.801)
Tiền thuê đất	-	590.234.400	590.234.400	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.306.352.691	54.379.071.360	52.479.681.983	12.205.742.068
- Phí bảo vệ môi trường	10.306.352.691	54.376.071.360	52.476.681.983	12.205.742.068
- Phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.550.039.289</b>	<b>59.539.713.207</b>	<b>58.173.854.128</b>	<b>14.915.898.368</b>

#### Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	138.089.801
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.550.039.289	15.053.988.169

#### • Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- Cung cấp nước : 5%.
- Cung cấp dịch vụ : 10%.

#### • Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

#### • Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	1.036.292.944	879.640.135
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	818.667.767	3.539.703.335
Trích chi phí sửa bể, TLMD sửa bể, nâng dờn đồng hồ nước	2.802.513.750	4.702.760.064
Trích trước chi phí gắn ống cái	-	657.988.875
Thù lao Hội đồng Quản trị	347.500.000	197.500.000
Chi phí lãi vay	526.940.740	573.302.221
Trích trước chi phí thuê tài sản	22.242.704.088	-
Chi phí khác (kinh phí đăng, DV vệ sinh...)	3.083.623.120	160.953.336
<b>Cộng</b>	<b>30.858.242.409</b>	<b>10.711.847.966</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 16. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>22.191.437.144</b>	<b>8.230.092.579</b>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty CP Công trình Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.303.966.564	4.303.310.659
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	539.957.729	5.396.032
Cổ tức phải trả cho cổ đông	14.771.237.190	1.160.909.190
Các khoản phải trả khác	1.785.315.804	1.969.516.841
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>14.038.669.435</b>	<b>14.383.187.136</b>
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	14.038.669.435	14.383.187.136
<b>Cộng</b>	<b><u>36.230.106.579</u></b>	<b><u>22.613.279.715</u></b>

#### *Phải trả khác là các bên liên quan*

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	<i>711.572.719</i>	<i>711.572.719</i>
<i>Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>781.572.719</u></b>	<b><u>781.572.719</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Vay và nợ tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>5.615.559.054</b>	<b>5.615.559.054</b>	<b>-</b>	<b>(2.769.440.000)</b>	<b>6.361.896.678</b>	<b>9.208.015.732</b>	<b>9.208.015.732</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (i)	5.615.559.054	5.615.559.054	-	(2.769.440.000)	5.538.880.000	8.384.999.054	8.384.999.054
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	-	-	-	-	823.016.678	823.016.678	823.016.678
- Hợp đồng số 0017/TD3.TC/ 19CD ngày 01/10/2019	-	-	-	-	812.738.172	812.738.172	812.738.172
- Hợp đồng số 0002/TD3.TC/ 20CD ngày 08/06/2020	-	-	-	-	10.278.506	10.278.506	10.278.506
<b>b) Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31.933.564.311</b>	<b>31.933.564.311</b>	<b>7.566.950.506</b>	<b>-</b>	<b>(6.361.896.678)</b>	<b>33.138.618.139</b>	<b>33.138.618.139</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (i)	29.096.439.312	29.096.439.312	-	-	(5.538.880.000)	23.557.559.312	23.557.559.312
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	2.837.124.999	2.837.124.999	7.566.950.506	-	(823.016.678)	9.581.058.827	9.581.058.827
- Hợp đồng số 0017/TD3.TC/ 19CD ngày 01/10/2019	2.837.124.999	2.837.124.999	7.186.645.787	-	(812.738.172)	9.211.032.614	9.211.032.614
- Hợp đồng số 0002/TD3.TC/ 20CD ngày 08/06/2020	-	-	380.304.719	-	(10.278.506)	370.026.213	370.026.213
<b>Cộng</b>	<b>37.549.123.365</b>	<b>37.549.123.365</b>	<b>7.566.950.506</b>	<b>(2.769.440.000)</b>	<b>-</b>	<b>42.346.633.871</b>	<b>42.346.633.871</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### Thuyết minh chi tiết vay và nợ theo từng đối tượng:

##### [i] *Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn*

Hợp đồng tín dụng	: Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.
Số tiền cho vay	: 43.800.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 8 năm (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 20 hàng quý (20/01, 20/4, 20/7 và 20/10).
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

##### [ii] *Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành*

Hợp đồng tín dụng	: Số 0017/TD3.TC/19CD ngày 01 ngày 10 tháng 2019.
Số tiền cho vay	: 38.000.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 26 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư dự án thay mới ống mục tại địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

Hợp đồng tín dụng	: Số 0002/TD3.TC/20CD ngày 08 ngày 6 tháng 2020.
Số tiền cho vay	: 1.339.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 9,2%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 30 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 4, 5, 8, 9, 10 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	6.361.896.678	5.615.559.054
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	26.654.579.678	23.382.384.864
Sau 5 năm	9.330.157.515	8.551.179.447
<b>Cộng</b>	<b>42.346.633.871</b>	<b>37.549.123.365</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(6.361.896.678)	(5.615.559.054)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>35.984.737.193</b>	<b>31.933.564.311</b>

#### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm/ kỳ	Tăng khác	Số cuối kỳ
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>					
Quỹ khen thưởng	1.688.736.534	2.800.000.000	(3.015.758.333)	388.590.000	1.861.568.201
Quỹ phúc lợi	1.515.939.660	2.400.000.000	(1.791.704.264)	463.325.000	2.587.560.396
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	74.483.726	336.500.000	-	(336.500.000)	74.483.726
<b>Cộng</b>	<b>3.279.159.920</b>	<b>5.536.500.000</b>	<b>(4.807.462.597)</b>	<b>515.415.000</b>	<b>4.523.612.323</b>
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>					
Quỹ khen thưởng	1.861.568.201	4.138.666.746	(2.434.117.000)	-	3.566.117.947
Quỹ phúc lợi	2.587.560.396	4.842.147.899	(2.456.837.775)	-	4.972.870.520
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	74.483.726	361.778.400	-	-	436.262.126
<b>Cộng</b>	<b>4.523.612.323</b>	<b>9.342.593.045</b>	<b>(4.890.954.775)</b>	<b>-</b>	<b>8.975.250.593</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Chi phí trả trước dài hạn</u>
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
Số đầu năm	2.812.846.465
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	(1.577.352.011)
Số cuối năm	<u>1.235.494.454</u>
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	
Số đầu năm	1.235.494.454
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	291.240.161
Số cuối kỳ	<u><u>1.526.734.615</u></u>

### 20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>				
Số đầu năm	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
Lãi trong năm trước	-	-	22.050.158.222	22.050.158.222
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.536.500.000)	(5.536.500.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
Số cuối năm	<u>130.000.000.000</u>	<u>63.849.723.527</u>	<u>22.992.593.049</u>	<u>216.842.316.576</u>
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>				
Số đầu năm	130.000.000.000	63.849.723.527	22.992.593.049	216.842.316.576
Lãi trong kỳ này	-	-	11.876.999.939	11.876.999.939

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.342.593.049)	(9.342.593.049)
Chia cổ tức	-	-	(13.650.000.000)	(13.650.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>63.849.723.527</b>	<b>11.876.999.939</b>	<b>205.726.723.466</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

#### Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	13.650.000.000	10.400.000.000
Trích quỹ khen thưởng	4.138.666.746	2.800.000.000
Trích quỹ phúc lợi	4.842.147.899	2.400.000.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	361.778.400	336.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>22.992.593.045</u></b>	<b><u>15.936.500.000</u></b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

### 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cung cấp nước	575.361.525.276	513.424.497.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.858.913.737	8.197.893.117
<b>Cộng</b>	<b><u>585.220.439.013</u></b>	<b><u>521.622.391.081</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	528.639.177.978	467.128.605.811
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.194.082.041	5.195.271.400
<b>Cộng</b>	<b><u>534.833.260.019</u></b>	<b><u>472.323.877.211</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.542.239.756	916.229.379
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	24.611.944	23.435.061
<b>Cộng</b>	<b><u>2.566.851.700</u></b>	<b><u>939.664.440</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	1.569.670.875	1.269.677.818
<b>Cộng</b>	<b><u>1.569.670.875</u></b>	<b><u>1.269.677.818</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	9.883.024.457	7.459.056.052
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	248.223.564	277.245.923
Chi phí khấu hao	676.236.624	336.866.079
Chi phí bằng tiền khác	634.927.304	841.585.351
<b>Cộng</b>	<b><u>11.442.411.949</u></b>	<b><u>8.914.753.405</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	11.974.836.487	9.455.128.799
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.008.485.727	1.584.926.970
Chi phí khấu hao	1.601.377.634	1.806.200.255
Thuế, phí và lệ phí	78.451.366	115.029.523
Thuê đất	590.234.400	590.234.400
Dự phòng	2.423.072.736	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.200.000	86.758.760
Chi phí bằng tiền khác	7.626.374.430	6.441.854.437
<b>Cộng</b>	<b><u>25.316.032.780</u></b>	<b><u>20.080.133.144</u></b>

#### 7. Lợi nhuận (lỗ) khác

<b>Thu nhập khác</b>	<b>53.045.426</b>	<b>1.007.023.011</b>
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	-	909.091
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	-	800.706.888
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	35.760.000	11.848.000
Thu nhập khác	17.285.426	193.559.032
<b>Chi phí khác</b>	<b>22.222.096</b>	<b>1.240.580.381</b>
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	-	99.840.294
Nộp thuế chậm nộp	-	92.367.240
Chi phí hồ sơ mời thầu	10.121.015	5.168.182
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	(32.336.341)	891.067.385
Chi phí khác	44.437.422	152.137.280
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b><u>30.823.330</u></b>	<b><u>(233.557.370)</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>14.656.738.420</b>	<b>19.740.056.573</b>
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	9.013.482.683	16.123.282.814
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	5.643.255.737	3.616.773.759
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.374.954.210)</b>	<b>(1.126.303.088)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.625.495.144)	(1.218.670.328)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	250.540.934	92.367.240
<b>Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	22%	23%
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)</b>	<b>13.281.784.210</b>	<b>18.613.753.485</b>
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	1.678.585.223	3.377.025.157
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	5.959.943.250	11.619.954.569
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	5.643.255.737	3.616.773.759
<b>Thuế suất áp dụng</b>		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.488.498.320</b>	<b>3.385.048.181</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Từ năm 2018, Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

##### a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>11.876.999.939</b>	<b>16.133.702.530</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>11.876.999.939</b>	<b>16.133.702.530</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>914</b>	<b>1.241</b>

##### b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>11.876.999.939</b>	<b>16.133.702.530</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>11.876.999.939</b>	<b>16.133.702.530</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>11.876.999.939</b>	<b>16.133.702.530</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>13.000.000</b>	<b>13.000.000</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>914</b>	<b>1.241</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nước sạch	416.653.181.605	365.832.618.307
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.483.117.158	5.295.005.070
Chi phí nhân công	66.009.130.974	51.545.178.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.566.560.910	23.299.046.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.255.904.088	23.247.389.864
Chi phí bằng tiền khác	40.621.810.013	32.099.525.029
<b>Cộng</b>	<b><u>571.589.704.748</u></b>	<b><u>501.318.763.760</u></b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Mua sắm/ xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	2.739.930.395	580.230.958
Chi phí lãi vay phải trả	526.940.740	470.760.316
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	2.207.183.139	-
Cổ tức phải trả	<u>14.771.237.190</u>	<u>11.436.087.485</u>

#### 2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ này	582.163.362	941.469.774
Mua sắm/ xây dựng tài sản còn nợ năm trước đã thanh toán trong kỳ này	-	2.555.816.179
Trả trước người bán mua sắm tài sản cố định	-	6.425.848.868
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	573.302.221	-
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	<u>39.672.000</u>	<u>29.091.250</u>

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

##### *Giao dịch với các bên liên quan*

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

##### **Bên liên quan**

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn  
Công ty CP Công trình Giao Thông Công Chánh  
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước

##### **Mối quan hệ**

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn điều lệ)  
Công ty cùng tập đoàn  
Công ty cùng tập đoàn  
Công ty cùng tập đoàn

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Bên liên quan**

Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch  
Công ty CP Cấp nước Tân Hòa

### **Mối quan hệ**

Công ty cùng tập đoàn  
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b><i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i></b>		
Cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	2.645.560.776	2.485.711.530
Mua dịch vụ	44.800.000	-
Mua nước sạch	416.653.181.605	360.613.756.038
Mua vật tư	-	515.131.000
	<u>18.930.912</u>	<u>62.491.909</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước</i></b>		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	18.930.912	62.491.909
	<u>-</u>	<u>72.920.800</u>
<b><i>Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh</i></b>		
Tạm ứng hợp đồng tư vấn	-	72.920.800
	<u>-</u>	<u>401.203.636</u>
<b><i>Công ty CP Cấp nước Tân Hòa</i></b>		
Phải trả cung cấp dịch vụ dò, sửa bể	-	401.203.636
	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i></b>		
Phải thu thương mại	9.611.274.407	8.744.552.186
Phải trả thương mại	(112.408.052.908)	(84.226.174.885)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	(711.572.719)	(711.572.719)
	<u>(70.000.000)</u>	<u>(70.000.000)</u>
<b><i>Công ty Công trình Giao thông Công Chánh</i></b>		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(70.000.000)
	<u>(70.000.000)</u>	<u>(70.000.000)</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước</i></b>		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	42.738.710	54.020.108
	<u>42.738.710</u>	<u>54.020.108</u>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## ***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt***

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương	1.426.000.000	1.296.000.000
Các khoản bảo hiểm phải trả	48.479.886	40.032.069
<b>Cộng</b>	<b><u>1.474.479.886</u></b>	<b><u>1.336.032.069</u></b>

## **2. Báo cáo theo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

### ***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

### ***Bộ phận theo khu vực địa lý***

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (Quận 5, Quận 6, Quận 8, Quận Bình Tân).

## **3. Công cụ tài chính**

### **Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### **Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.176.083.731	49.176.083.731	64.195.166.006	64.195.166.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	91.208.470.684	91.208.470.684	17.547.022.295	17.547.022.295
Phải thu của khách hàng	39.936.338.274	39.936.338.274	26.919.030.363	26.919.030.363
Phải thu khác	282.129.751	282.129.751	590.455.996	590.455.996
<b>Cộng</b>	<b>180.603.022.440</b>	<b>180.603.022.440</b>	<b>109.251.674.660</b>	<b>109.251.674.660</b>

#### Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	116.514.506.362	116.514.506.362	91.386.763.201	91.386.763.201
Chi phí phải trả	30.858.242.409	30.858.242.409	10.711.847.966	10.711.847.966
Phải trả khác	35.680.761.712	35.680.761.712	22.598.496.545	22.598.496.545
Các khoản vay	42.346.633.871	42.346.633.871	37.549.123.365	37.549.123.365
<b>Cộng</b>	<b>225.400.144.354</b>	<b>225.400.144.354</b>	<b>162.246.231.077</b>	<b>162.246.231.077</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### **Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

#### ***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng,...).

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định hiện hành.

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

#### ***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.176.083.731	-	-	49.176.083.731
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	91.200.140.684	8.330.000	-	91.208.470.684
Phải thu của khách hàng	39.936.338.274	-	-	39.936.338.274
Phải thu khác	273.837.117	8.292.634	-	282.129.751
<b>Cộng</b>	<b>180.586.399.806</b>	<b>16.622.634</b>	<b>-</b>	<b>180.603.022.440</b>
Phải trả cho người bán	116.514.506.362	-	-	116.514.506.362
Chi phí phải trả	30.858.242.409	-	-	30.858.242.409
Phải trả khác	21.642.092.277	14.038.669.435	-	35.680.761.712
Các khoản vay	6.361.896.678	26.654.579.678	9.330.157.515	42.346.633.871
<b>Cộng</b>	<b>175.376.737.726</b>	<b>40.693.249.113</b>	<b>9.330.157.515</b>	<b>225.400.144.354</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.209.662.080</b>	<b>(40.676.626.479)</b>	<b>(9.330.157.515)</b>	<b>(44.797.121.914)</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.195.166.006	-	-	64.195.166.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.538.692.295	8.330.000	-	17.547.022.295
Phải thu của khách hàng	26.919.030.363	-	-	26.919.030.363
Phải thu khác	582.163.362	8.292.634	-	590.455.996
<b>Cộng</b>	<b>109.235.052.026</b>	<b>16.622.634</b>	<b>-</b>	<b>109.251.674.660</b>
Phải trả cho người bán	91.386.763.201	-	-	91.386.763.201
Chi phí phải trả	10.711.847.966	-	-	10.711.847.966
Phải trả khác	8.215.309.409	14.383.187.136	-	22.598.496.545
Các khoản vay	5.615.559.054	23.382.384.864	8.551.179.447	37.549.123.365
<b>Cộng</b>	<b>115.929.479.630</b>	<b>37.765.572.000</b>	<b>8.551.179.447</b>	<b>162.246.231.077</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(6.694.427.604)</b>	<b>(37.748.949.366)</b>	<b>(8.551.179.447)</b>	<b>(52.994.556.417)</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

#### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
Người lập biểu

**VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**  
Kế toán trưởng



**HUỲNH TUẤN ANH**  
Giám đốc

